TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. LIÊN CHIỂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 56/2023/DS-ST
Ngày 07.9.2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cơ

2. Ông Nguyễn Công Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Ông Võ Quang Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 233/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2023/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023, Thông báo sửa chữa, bổ sung quyết định số 07/TB-TA ngày 06 tháng 7 năm 2023, Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên toà số 13/TB-TA ngày 17 tháng 7 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên toà số 20/2023/QĐST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 81/2023/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần X (E); địa chỉ trụ sở: Tầng H, Văn phòng số L+18 Tòa nhà V, G L, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Hoàng L - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần X - Chi nhánh Đ - Phòng G ; địa chỉ: B - B X, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng, (*Theo Giấy uỷ quyền số*

114/2022/EIB/UQ-TGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2022 và Giấy ủy quyền ngày 24 tháng 10 năm 2022), (*Có mặt*).

- *Bị đơn:* Ông Vũ Tuấn M - Sinh năm 1977; nơi cư trú: C Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, (*Vắng mặt, không có lý do*).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ C - Sinh năm 1976; nơi cư trú: C Đ, phường H, quận L, TP ., (*Vắng mặt, không có lý do*);

2. Ông Nguyễn Hữu T - Sinh năm 1974; nơi cư trú: Số A N, phường H, quận C, TP ., (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 11 tháng 11 năm 2022, tại Bản tự khai ngày 18 tháng 5 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn *(- Ngân hàng Thương mại cổ phần X (viết tắt là Ngân hàng X)*) trình bày:

Ông Vũ Tuấn M có vay số tiền 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*) tại Ngân hàng X - Chi nhánh Đ - Phòng G theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 1608-LAV-190023816 ngày 27 tháng 3 năm 2019 và Nhận nợ số 1608-LDS-190000098 ngày 27 tháng 3 năm 2019. Thời hạn vay: 240 tháng, lãi suất vay 11%/năm trong năm đầu tiên…

Để đảm bảo khoản vay, ông M đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 25, địa chỉ: Lô A, Khu dân cư H, số A N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 743693 do Sở T3 cấp ngày 30 tháng 12 năm 2016 cho bà Nguyễn Thị H, chứng nhận bổ sung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất ngày 30 tháng 01 năm 2019, cập nhật chỉnh lý ngày 13 tháng 3 năm 2019 chuyển nhượng cho ông Vũ Tuấn M và bà Nguyễn Thị Mỹ C theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 23/PGDTK-19 ngày 26 tháng 3 năm 2019. Tài sản đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại quận C.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông M chỉ thanh toán cho Ngân hàng được 341.791.596 đồng (*Ba trăm bốn mươi mốt triệu bảy trăm chín mươi mốt ngàn năm trăm chín mươi sáu đồng*) nợ gốc và một phần nợ lãi. Đến nay, ông M đã chậm thanh toán 10 kỳ (*Kỳ bắt đầu chậm - ngày 15 tháng 8 năm 2022*).

Do ông M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M trả số tiền nợ 1.700.993.664 đồng (*Một tỷ bảy trăm triệu chín trăm chín mươi ba ngàn sáu trăm sáu mươi bốn đồng*); trong đó: nợ gốc là 1.666.679.763 đồng và nợ lãi là 34.313.901 đồng (*Tính đến ngày 24 tháng 10 năm 2022*); buộc ông M tiếp tục trả lãi theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng

cho đến khi trả đến nợ. Trường hợp, ông M không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, thì đề nghị Tòa án tuyên phát mãi tài sản để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng bổ sung yêu cầu: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc ông M trả số tiền nợ tính đến ngày xét xử (-*Ngày 07 tháng 9 năm 2023*) là 1.878.013.774 đồng (*Một tỷ tám trăm bảy mươi tám triệu không trăm mười ba ngàn bảy trăm bảy mươi bốn đồng*), trong đó: nợ gốc 1.658.208.407 đồng, lãi quá hạn 205.862.304 đồng, lãi phạt do chậm trả lãi 8.928.200 đồng và lãi phạt do chậm trả nợ gốc 14.223.699 đồng. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo đơn khởi kiện.

***** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt được trực tiếp văn bản tố tụng cho bị đơn - ông Vũ Tuấn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Mỹ C tại nơi cư trú, nhưng họ không có ý kiến gửi đến Toà án, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên toà, ông M và bà C vắng mặt lần hai, không có lý do.

* Qua việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, Toà án ghi nhận: ông Nguyễn Hữu T đang quản lý, sử dụng tài sản thế chấp nên đã thông báo đưa ông T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại Đơn xin gia hạn đề ngày 22 tháng 3 năm 2023, ông T trình bày: Trong quan hệ xã hội, ông đã chuyển nhượng ngôi nhà tại số A N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng cho ông Vũ Tuấn M để vay tiền cho ông Đặng Hồ m làm ăn. Ông khẳng định ông là chủ sở hữu đối với tài sản trên và xin gia hạn thời gian 100 ngày để lo tiền trả nợ cho ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T không đến Toà án tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải.

Tại phiên toà, ông T có mặt, trình bày không có ý kiến về việc đã chuyển nhượng nhà, đất cho vợ chồng ông Vũ Tuấn M. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về nhiệm vụ và quyền hạn của Thẩm phán, thu thập chứng cứ, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thụ lý, thời hạn giải quyết, thông báo văn bản tố tụng ...trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ và thực hiện đầy đủ yêu cầu của Tòa án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 và 73 Bộ luật Tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt không có lý do. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội

đồng xét xử căn cứ các điều 317, 318, 323, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn - ông Vũ Tuấn M, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Mỹ C đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, ông Vũ Tuấn M không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định:

Ông Vũ Tuấn M có vay tiền của Ngân hàng X - Chi nhánh Đ - Phòng G theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 1608-LAV-190023816 ngày 27 tháng 3 năm 2019 và Phụ lục đính kèm hợp đồng. Ông M đã ký Nhận nợ số 1608-LDS-190000098 ngày 27 tháng 3 năm 2019. Nội dung: Vay số tiền 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*); mục đích vay: Tiêu dùng; thời hạn vay: 240 tháng, tính từ ngày 27 tháng 3 năm 2019; lãi suất cho vay: 11%/ 1 năm đầu tiên, chu kỳ thay đổi lãi suất 01 tháng/ lần kể từ năm thứ 2 trở đi; lịch trả lãi hàng tháng theo số dư thực tế phát sinh; lịch trả gốc: hàng tháng trả gốc 8.333.000 đồng, tháng cuối cùng trả hết số tiền còn lại.

Hợp đồng tín dụng được kí kết theo sự tự nguyện của các bên và tuân thủ quy định về hình thức của hợp đồng nên hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết. Ông M còn nợ của Ngân hàng số tiền 1.878.013.774 đồng (*Một tỷ tám trăm bảy mươi tám triệu không trăm mười ba ngàn bảy trăm bảy mươi bốn đồng*).

Đến nay, mặc dù chưa hết thời hạn thanh toán, nhưng ông M đã vi phạm thỏa thuận trả nợ gốc và lãi hàng tháng được quy định tại Phần nhận nợ của khách hàng số 1608-LDS-190000098, đính kèm hợp đồng số 1608-LAV-190023816. Do ông M đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản về thời hạn thanh toán nợ được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X, buộc ông M phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ 1.878.013.774 đồng, trong đó: nợ gốc 1.658.208.407 đồng, lãi quá hạn 205.862.304 đồng, lãi phạt do chậm trả lãi 8.928.200 đồng và lãi phạt do chậm trả nợ gốc 14.223.699 đồng (*Tính đến ngày 07 tháng 9 năm 2023*), là hoàn toàn có cơ sở, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Lãi được tiếp tục tính từ ngày 08 tháng 9 năm 2023 theo mức lãi suất do Ngân hàng X - Chi nhánh Đ - Phòng G và ông M đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từng lần số 1608-LAV-190023816 ngày 27 tháng 3 năm 2019, Phụ lục đính kèm hợp đồng và Nhận nợ số 1608-LDS-190000098 ngày 27 tháng 3 năm 2019 trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thi hành án xong.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 23/PGDTK-19 ngày 26 tháng 3 năm 2019 đã được công chứng tại Phòng C1 và được đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật đất đai nên có giá trị pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với tài sản thế chấp. Do vậy, trường hợp ông M không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 25, địa chỉ: Lô A, Khu dân cư H, số A N, phường H, quận C, TP . theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 743693 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố T3 cấp ngày 30 tháng 12 năm 2016 cho bà Nguyễn Thị H, chứng nhận bổ sung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất ngày 30 tháng 01 năm 2019, cập nhật chỉnh lý ngày 13 tháng 3 năm 2019 chuyển nhượng cho ông Vũ Tuấn M và bà Nguyễn Thị Mỹ C, sẽ bÞ ph¸t m·i ®Ó thu hải nî tr¶ cho Ng©n hµng theo quy ®Þnh cña ph¸p luËt.

[3] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn – ông Vũ Tuấn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000 đồng + 3 % x (1.878.013.774 đồng - 800.000.000 đồng) = 68.340.413 đồng (*Sáu mươi tám triệu ba trăm bốn mươi ngàn bốn trăm mười ba đồng*) theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng Ngân hàng X tự nguyện chịu (*Đã nộp và đã chi*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 299, 317, 318, 323, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 95 Luật đất đai; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 92, khoản 2 Điều 227, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X đối với ông Vũ Tuấn M về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Xử: Buộc ông Vũ Tuấn M phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X số tiền nợ gốc 1.658.208.407 đồng, lãi quá hạn 205.862.304 đồng, lãi phạt do chậm trả lãi 8.928.200 đồng và lãi phạt do chậm trả nợ gốc 14.223.699 đồng (*Tính đến ngày 07 tháng 9 năm 2023*). Tổng cộng là 1.878.013.774 đồng (*Một tỷ tám trăm bảy mươi tám triệu không trăm mười ba ngàn bảy trăm bảy mươi bốn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì xử lý phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 25, địa chỉ: Lô A, Khu dân cư H, số A N, phường H, quận C, TP . theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 743693 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố T3 cấp ngày 30 tháng 12 năm 2016 cho bà Nguyễn Thị H, chứng nhận bổ sung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất ngày 30 tháng 01 năm 2019, cập nhật chỉnh lý ngày 13 tháng 3 năm 2019 chuyển nhượng cho ông Vũ Tuấn M và bà Nguyễn Thị Mỹ C, để thu hồi trả nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Vũ Tuấn M thanh toán xong nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần X trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 743693 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố T3 cấp ngày 30 tháng 12 năm 2016 cho ông Vũ Tuấn M và bà Nguyễn Thị Mỹ C.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 68.340.413 đồng (*Sáu mươi tám triệu ba trăm bốn mươi ngàn bốn trăm mười ba đồng*) ông Vũ Tuấn M phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X số tiền tạm ứng án 31.514.905 đồng (*Ba mươi mốt triệu năm trăm mười bốn ngàn chín trăm lẻ năm đồng đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0005629 ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) Ngân hàng X tự nguyện chịu (*Đã nộp và đã chi*).

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Hữu T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Mỹ C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q.Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Q.Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thủy